

Số: 03 /KL-TTH

Thuận Nam, ngày 06 tháng 6 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của
Ủy ban nhân dân xã Phước Hà

Thực hiện Kế hoạch công tác thanh tra năm 2022 của Thanh tra huyện, được ban hành kèm theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện; ngày 19/4/2022 Chánh Thanh tra huyện có Quyết định thanh tra số 07/QĐ-TTH về thanh tra việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của UBND xã Phước Hà.

Trên cơ sở Báo cáo kết quả thanh tra số 10/BC-ĐTT ngày 24/6/2022 của Trưởng Đoàn thanh tra việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của UBND xã Phước Hà.

Chánh Thanh tra huyện kết luận và báo cáo Chủ tịch UBND huyện Thuận Nam như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Phước Hà là xã miền núi, đặc biệt khó khăn nằm về phía Tây cách trung tâm hành chính huyện Thuận Nam 21 km; có vị trí địa lý: phía Đông giáp xã Nhị Hà; phía Bắc giáp với xã Phước Thái, huyện Ninh Phước; phía Tây giáp xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn; phía Nam giáp xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; diện tích đất tự nhiên là 17.890,26 ha, với 933 hộ/3.813 nhân khẩu.

Về tổ chức bộ máy, ngoài Thường trực Đảng ủy, Thường trực HĐND và Lãnh đạo UBND; xã Phước Hà có 07 ban chuyên môn, gồm: Quân sự, Công an, Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường và Văn hóa - Xã hội; 06 tổ chức đảng, đoàn thể, gồm: Văn phòng Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam; 03 Hội quần chúng, gồm: Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Khuyến học và 05 thôn gồm: thôn Là A, thôn Giá, thôn Rò Ôn, thôn Tân Hà và thôn Trà Nô; với tổng biên chế và người lao động hiện có 30 người (kể cả cán bộ không chuyên trách và hợp đồng lao động).

Ban Tài chính xã có 03 người. Trong đó: Chủ tịch UBND xã kiêm Trưởng ban Tài chính xã, 01 công chức phụ trách công tác Tài chính - Kế toán được đào tạo chuyên ngành (trình độ Cao đẳng Tài chính - Kế toán) và 01 nhân viên Văn hóa - xã hội kiêm Thủ quỹ.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Lập dự toán ngân sách xã

Trong năm 2021, trên cơ sở hướng dẫn của UBND huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch); UBND xã lập dự toán ngân sách năm sau trình HĐND xã quyết định.

a) Căn cứ lập dự toán ngân sách xã

Dự toán ngân sách xã được lập căn cứ vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội của xã; chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách xã; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành; ...

b) Trình tự lập, quyết định dự toán ngân sách xã

- Ban Tài chính, kế toán xã phối hợp với đội thu thuế xã tính toán các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (trong phạm vi phân cấp cho xã quản lý).

- Các đơn vị, tổ chức thuộc UBND xã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi lập dự toán chi của đơn vị, tổ chức mình.

- Ban Tài chính, kế toán xã lập dự toán thu, chi và cân đối ngân sách xã trình UBND xã báo cáo Thường trực HĐND xã xem xét, cho ý kiến trước khi gửi UBND huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch). Thời gian báo cáo dự toán ngân sách xã bảo đảm theo quy định.

- Quyết định dự toán ngân sách xã: Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của UBND huyện, UBND xã hoàn chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao quản lý; dự toán thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã báo cáo Ban Kinh tế - xã hội xã thẩm tra, Thường trực HĐND xã xem xét, cho ý kiến, trình HĐND xã quyết định. Sau khi dự toán ngân sách xã được HĐND xã quyết định, UBND xã báo cáo UBND huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch) và Kho bạc Nhà nước huyện để tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, dự toán ngân sách xã năm 2021 có những tồn tại, hạn chế sau: Dự toán chi cho các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) chưa trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có) theo quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

2. Chấp hành dự toán ngân sách xã

Căn cứ dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã cả năm đã được HĐND xã quyết định, UBND xã quyết định phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách xã theo từng bộ phận gửi Kho bạc Nhà nước huyện để nhập dự toán và làm căn cứ kiểm soát, thanh toán các khoản chi.

a) Thực hiện dự toán thu ngân sách xã: Tổng thu ngân sách xã năm 2021: 5.194.941.133 đồng. Trong đó:

- Thu trong cân đối ngân sách: 3.942.553.869 đồng, đạt 99,52%.

+ Thu nội địa: 47.216.869 đồng, đạt 71,32%; giảm thu ngân sách xã: 18.983.131 đồng.

Trong 04 khoản thu được HĐND xã quyết định, ngân sách xã được hưởng thì:

Có 02 khoản thu đạt và vượt dự toán, đó là: thu phí và lệ phí: 19.168.000 đồng, đạt 319,47%; các khoản thu khác tại xã: 12.605.500 đồng, đạt 105,05%.

Còn 02 khoản thu không đạt, đó là: lệ phí trước bạ: 6.613.674 đồng, đạt 63,59%; thuế thu nhập cá nhân: 8.829.695 đồng, đạt 23,36%.

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 3.895.337.000 đồng.

- Thu ngoài cân đối: 1.252.387.264 đồng.

+ Thu kết dư ngân sách năm trước: 284.285.520 đồng.

+ Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện: 692.349.660 đồng.

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 275.752.084 đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 01)

b) Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách: Tổng chi ngân sách xã năm 2021: 4.978.238.836 đồng. Trong đó:

- Chi trong cân đối: 3.941.358.626 đồng, đạt 96,8% dự toán.

+ Chi thường xuyên: 3.893.443.126 đồng, đạt 97,52% dự toán.

Các khoản chi đều trong dự toán giao, như sau: sự nghiệp văn hóa - thông tin: 19.195.000 đồng, đạt 87,04%; sự nghiệp phát thanh: 8.405.341 đồng, đạt 88,56%; sự nghiệp thể dục thể thao: 1.680.000 đồng, đạt 24,46%; sự nghiệp kinh tế: 336.828.043 đồng, đạt 98,13%; sự nghiệp xã hội: 16.345.000 đồng, đạt 95,88%; chi hành chính: 3.391.640.329 đồng, đạt 97,64%; an ninh - quốc phòng: 102.583.413 đồng, đạt 99,01%; chi khác ngân sách: 16.766.000 đồng, đạt 100%.

+ Chi từ nguồn dự phòng ngân sách: 47.915.500 đồng, đạt 60,48% (chi phục vụ Covid-19).

- Chi từ ngân sách huyện bổ sung có mục tiêu: 639.686.260 đồng.

- Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách: 45.397.320 đồng.

- Chi chuyển nguồn năm sau: 351.796.630 đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 02)

Qua kiểm tra thu, chi ngân sách xã trong năm 2021, vẫn còn tồn tại, hạn chế sau:

- UBND xã đã sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban thanh tra nhân dân với số tiền: 5.000.000 đồng và kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh với số tiền: 25.000.000 đồng dùng để chi cho Covid-19 (chi không đúng nhiệm vụ).

- Chưa hoàn trả ngân sách huyện:

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đã hết nhiệm vụ chi với số kinh phí là 6.000.000 đồng.

+ Kinh phí bầu cử đợt 2 đã hết nhiệm vụ chi với số tiền: 2.663.400 đồng.

- Chưa thực hiện chế độ kế toán đầy đủ theo quy định tại Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã...

3. Kế toán và quyết toán ngân sách xã

a) Về công tác kế toán:

UBND xã Phước Hà đã chấp hành các quy định về chứng từ kế toán, sổ kế toán; việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán; việc bố trí người làm công tác kế toán và việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán và các quy định khác về kế toán.

b) Báo cáo quyết toán:

Báo cáo quyết toán ngân sách xã trong năm 2021, được lập và gửi phòng Tài chính - Kế hoạch đảm bảo thời gian quy định; quyết toán chi ngân sách xã nhỏ hơn quyết toán thu ngân sách xã; báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã đã được HĐND xã phê chuẩn, phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và đã được UBND xã thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, quyết toán ngân sách xã lập chưa đúng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính (mẫu biểu số 07 đến mẫu biểu số 12 kèm theo Thông tư).

4. Tổ chức quản lý các hoạt động tài chính khác của xã

a) Các quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã (*quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ đường bộ*).

- Trong năm 2021, Ban Tài chính - Kế toán xã đã thực hiện nhiệm vụ giúp UBND xã quản lý các quỹ trên (thực hiện thu, chi; mở sổ theo dõi riêng; tổ chức hạch toán, quyết toán riêng từng quỹ theo quy định). Kinh phí của các quỹ chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau.

- UBND xã báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của từng quỹ cho HĐND xã và phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

b) Tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã (*phí vệ sinh môi trường, ...*).

UBND xã giao cho các bộ phận, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình của xã trực tiếp thực hiện từng loại hoạt động sự nghiệp, UBND xã cũng đã tổng hợp báo cáo kế hoạch tài chính và kết quả tài chính hàng năm của từng hoạt động sự nghiệp trình HĐND xã.

Tuy nhiên, các bộ phận, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được UBND xã giao chưa lập kế hoạch tài chính hàng năm, tính toán đầy đủ các khoản thu, các khoản chi; số phải nộp ngân sách xã hoặc số hỗ trợ từ ngân sách xã theo chế độ quy định (*nếu có*) trình UBND xã phê duyệt để thực hiện.

c) Các hoạt động tài chính khác (*Hoạt động tài chính ngoài ngân sách, Các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ, ...*)

- Hoạt động tài chính ngoài ngân sách (*Đảng phí, Hội phí phụ nữ, Hội phí nông dân, Hội phí Đoàn thanh niên, Hội phí Cựu chiến binh*)

Trong năm, các Hội đã giúp UBND xã thực hiện mở sổ theo dõi thu - chi theo quy định. Riêng Hội phí Nông dân, trong năm 2021 thì không thu được.

- Các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ (*hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, phí dịch vụ công, hỗ trợ nhà ở cho người nghèo từ quỹ Bảo trợ bệnh nhân nghèo của tỉnh...*).

Trong năm, bộ phận Tài chính - Kế toán xã giúp UBND xã thực hiện các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ theo chế độ quy định. Tuy nhiên, UBND xã chưa mở sổ sách theo dõi riêng từng khoản, thực hiện thu, chi trong phạm vi được ủy thác.

(Chi tiết tại phụ lục số 03)

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

a) Ưu điểm

Trong năm 2021, mặt dù tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng UBND xã đã có nhiều cố gắng trong việc quản lý thu ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, một số khoản thu đạt và vượt dự toán ngân sách thuộc trách nhiệm quản lý của mình được UBND huyện và HĐND xã giao, cân đối được nhiệm vụ chi thường xuyên; việc sử dụng các nguồn tài chính khác bảo đảm quy định.

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm như đã nói ở trên, qua thanh tra cho thấy công tác quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách xã của UBND xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được chấn chỉnh, khắc phục như sau:

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) chưa trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (*nếu có*) theo quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban thanh tra nhân dân với số tiền: 5.000.000 đồng và kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh với số tiền: 25.000.000 đồng để chi cho Covid-19 (chi không đúng nhiệm vụ).

- Chưa hoàn trả ngân sách huyện các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu, như sau:

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đã hết nhiệm vụ chi với số kinh phí là 6.000.000 đồng.

+ Kinh phí bầu cử đợt 2 đã hết nhiệm vụ chi với số tiền là 2.663.400 đồng.

- Báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã lập chưa đúng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

2. Kiến nghị

Từ những kết luận trên, Chánh Thanh tra huyện kiến nghị Chủ tịch UBND huyện Thuận Nam:

a) Giao UBND xã Phước Hà

- Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của UBND xã Phước Hà.

- Điều chỉnh, hoàn trả ngân sách huyện khoản trợ cấp bổ sung có mục tiêu trong năm 2021 với số số tiền là 38.663.400 đồng (trong đó: điều chỉnh 30.000.000 đồng; hoàn trả: 8.663.400 đồng) do đã hết nhiệm vụ chi.

- Chỉ đạo Ban Tài chính - Kế toán xã thực hiện chế độ kế toán theo đúng quy định tại Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

- Đồng thời, chỉ đạo các bộ phận, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình lập kế hoạch tài chính hàng năm, tính toán đầy đủ các khoản thu, các khoản chi; số phải nộp ngân sách xã hoặc số hỗ trợ từ ngân sách xã theo chế độ quy định (nếu có) trình UBND xã phê duyệt để thực hiện.

b) Giao phòng Tài chính - Kế hoạch

- Hướng dẫn UBND xã Phước Hà thực hiện việc điều chỉnh, hoàn trả trợ cấp bổ sung có mục tiêu năm 2021 (do đã hết nhiệm vụ chi).

- Tăng cường công tác đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra tình hình quản lý ngân sách và quản lý các hoạt động tài chính khác của xã, giải quyết, xử lý kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện của xã.

c) Giao Thanh tra huyện

Tổ chức công khai Kết luận thanh tra; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các biện pháp xử lý theo kết luận này./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy;
- Thường trực huyện ủy;
- Ủy ban Kiểm tra huyện ủy;
- UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- UBND xã Phước Hà;
- Lưu: VT, ĐTT.

CHÁNH THANH TRA



Hồ Văn Vê

**UBND HUYỆN THUẬN NAM
THANH TRA HUYỆN**

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 03 /KL-TTH ngày 08 /6/2022 của Chánh Thanh tra huyện)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN						THỰC HIỆN			SO SÁNH	
		UBND huyện giao		HĐND xã quyết định		NSNN	NS xã	NSNN	NS xã	Số tuyệt đối	Số tương đối	
		NSNN	NS xã	NSNN	NS xã							
A	B	1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=6/4			
A	THU TRONG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH	3.980.337.000	3.961.537.000	3.980.337.000	3.961.537.000	3.947.991.441	3.942.553.869	-18.983.131	99,52			
I	Thu nội địa	85.000.000	66.200.000	85.000.000	66.200.000	52.654.441	47.216.869	-18.983.131	71,32			
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp NQD											
-	Thuế giá trị gia tăng											
2	Lệ phí trước bạ	13.000.000	10.400.000	13.000.000	10.400.000	8.267.091	6.613.674	-3.786.326	63,59			
-	Trước bạ đất	13.000.000	10.400.000	13.000.000	10.400.000	8.267.091	6.613.674	-3.786.326	63,59			
3	Thuế thu nhập cá nhân	54.000.000	37.800.000	54.000.000	37.800.000	12.613.850	8.829.695	-28.970.305	23,36			
-	Thu nhập cá nhân từ CNBDS	54.000.000	37.800.000	54.000.000	37.800.000	12.613.850	8.829.695	-28.970.305	23,36			
-	Thuế thu nhập cá nhân từ SXKD, tiền lương, tiền công											
4	Thu phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	19.168.000	19.168.000	13.168.000	319,47			
-	Lệ phí môn bài	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	19.168.000	19.168.000	13.168.000	319,47			
-	Phí công chứng											
-	Phí hộ tịch											
-	Thu khác											
-	Phạt vi phạm khác											
5	Thu tiền cho thuê mặt nước, mặt đất											
6	Các khoản thu tại xã	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.605.500	12.605.500	605.500	105,05			
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp											

II	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách huyện	3.895.337.000	3.895.337.000	3.895.337.000	3.895.337.000	3.895.337.000	3.895.337.000	100,00
B	THU NGOÀI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	260.500.000	260.500.000	260.500.000	260.500.000	1.252.387.264	991.887.264	480,76
1	Thu kết dư ngân sách năm trước					284.285.520	284.285.520	
2	Thu hồi các khoản chi năm trước							
3	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện	260.500.000	260.500.000	260.500.000	260.500.000	692.349.660	431.849.660	265,78
4	Phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực trật tự, vi phạm khác					20.675.000		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					275.752.084	275.752.084	
	TỔNG CỘNG	4.240.837.000	4.222.037.000	4.240.837.000	4.222.037.000	5.221.053.705	972.904.133	123,04

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 03 /KL-TTH ngày 29 /6/2022 của Chánh Thanh tra huyện)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN	SỐ SÁNH	
		UBND huyện giao	HĐND xã quyết định		Số tuyệt đối	Số tương đối
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
I	CHI TRONG CÂN ĐỐI	3.961.537.000	4.071.850.031	3.941.358.626	-130.491.405	96,80
1	Chi thường xuyên	3.882.306.000	3.992.619.031	3.893.443.126	-99.175.905	97,52
a	Sự nghiệp văn hóa - thông tin	22.052.000	22.052.000	19.195.000	-2.857.000	87,04
b	Sự nghiệp phát thanh	9.491.000	9.491.000	8.405.341	-1.085.659	88,56
c	Sự nghiệp thể dục thể thao	6.867.000	6.867.000	1.680.000	-5.187.000	24,46
d	Sự nghiệp kinh tế	343.240.000	343.240.000	336.828.043	-6.411.957	98,13
đ	Sự nghiệp xã hội	30.748.000	17.048.000	16.345.000	-703.000	95,88
e	Hành chính	3.424.242.000	3.473.545.031	3.391.640.329	-81.904.702	97,64
-	Quản lý nhà nước	2.099.313.056	2.317.216.087	2.281.412.659	-35.803.428	98,45
-	Đảng	600.721.920	567.121.920	550.455.280	-16.666.640	97,06
-	Đoàn thể, Hội quần chúng	724.207.024	589.207.024	559.772.390	-29.434.634	95,00
+	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	135.742.144	130.742.144	129.722.880	-1.019.264	99,22
+	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	132.808.102	95.808.102	93.323.792	-2.484.310	97,41
+	Hội Liên hiệp phụ nữ	142.394.790	133.394.790	122.130.396	-11.264.394	91,56
+	Hội Nông dân	113.601.394	92.601.394	84.385.256	-8.216.138	91,13
+	Hội Cựu chiến binh	125.044.594	94.044.594	88.485.066	-5.559.528	94,09
+	Các hội quần chúng khác	74.616.000	42.616.000	41.725.000	-891.000	97,91
f	An Ninh - Quốc Phòng	28.900.000	103.610.000	102.583.413	-1.026.587	99,01
-	Quốc phòng	17.340.000	62.206.000	61.423.056	-782.944	98,74
-	An ninh	11.560.000	41.404.000	41.160.357	-243.643	99,41
g	Chi khác ngân sách	16.766.000	16.766.000	16.766.000	0	100,00
2	Dự phòng	79.231.000	79.231.000	47.915.500	-31.315.500	60,48
II	CHI NGOÀI CÂN ĐỐI	260.500.000	692.349.660	639.686.260	-52.663.400	92,39
1	Bổ sung có mục tiêu đầu năm 2021	260.500.000	260.500.000	224.500.000	-36.000.000	Đã hết nhiệm vụ chi
2	Kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm 2021		417.849.660	415.186.260	-2.663.400	
3	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới		14.000.000		-14.000.000	Đã chuyển nguồn
III	CÁC KHOẢN HOÀN TRẢ			45.397.320	45.397.320	
1	Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách	0	0	45.397.320	45.397.320	
IV	CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU			351.796.630	351.796.630	
	TỔNG CỘNG	4.222.037.000	4.764.199.691	4.978.238.836	214.039.145	

BẢNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC CỦA XÃ NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 03 /KL-TTH ngày 15 /6/2022 của Chánh Thanh tra huyện)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Diễn giải	Năm trước chuyển sang	Kế hoạch năm 2021			Thực hiện năm 2021			Ghi chú
			Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch	
1	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách	20.238.480	3.000.000	0	3.000.000	23.180.697	20.000.000	23.419.177	
-	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	3.970.000	3.000.000	0	3.000.000	23.170.000	20.000.000	7.140.000	Tiền gửi tại KB
-	Quỹ đường bộ	16.268.480				10.697	0	16.279.177	Tiền gửi tại KB
2	Các hoạt động sự nghiệp					0	0	0	
-	Vệ sinh môi trường							0	
3	Các hoạt động tài chính khác	106.447.146	403.908.686	400.908.686	3.000.000	463.463.376	503.037.293	66.873.229	
a	Hoạt động tài chính ngoài ngân sách	55.782.346	43.260.000	40.260.000	3.000.000	44.127.060	37.888.607	62.020.799	
-	Đảng phí	55.782.346	33.000.000	30.000.000	3.000.000	33.829.060	27.590.607	62.020.799	Tiền mặt tại Đảng ủy xã
-	Hội phí phụ nữ		8.000.000	8.000.000	-	7.980.000	7.980.000	-	
-	Hội phí nông dân				-			-	Không thu được
-	Hội phí Đoàn thanh niên		260.000	260.000	-	266.000	266.000	-	
-	Hội phí Cựu chiến binh		2.000.000	2.000.000	-	2.052.000	2.052.000	-	
b	Các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ	50.664.800	360.648.686	360.648.686	-	419.336.316	465.148.686	4.852.430	
-	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo		259.648.686	259.648.686	0	259.648.686	259.648.686	0	
-	Phí dịch vụ công	664.800	1.000.000	1.000.000	0	1.207.630		1.872.430	Tiền gửi tại KB
-	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo từ Quỹ BTBNN của tỉnh	50.000.000	100.000.000	100.000.000	0	100.000.000	150.000.000	0	
-	Hỗ trợ hộ dân bị ảnh hưởng do dịch Covid-19					55.500.000	55.500.000	0	
-	Kinh phí khen thưởng của xã					2.980.000		2.980.000	Tiền gửi tại KB
	Tổng cộng	126.685.626	406.908.686	400.908.686	6.000.000	486.644.073	523.037.293	90.292.406	

